**Xuất bản lần 1**

# Cốt liệu cho bê tông và vữa – Phương pháp thử – Phần 7: Xác định độ ẩm

*Aggregates for concrete and mortar – Test methods – Part 7: Determination of moisture*

## 1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này xác định lượng nước bốc hơi từ mẫu cốt liệu bằng cách sấy khô mẫu.

## 2 Tài liệu viện dẫn

TCVN 7572-1 : 2006 Cốt liệu cho bê tông và vữa – Phương pháp thử – Phần 1: Lấy mẫu.

## 3 Thiết bị thử

– **cân kỹ thuật** có độ chính xác tới 1 %;

– **tủ sấy** có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105 °C đến 110 °C;

– **dụng cụ đảo mẫu** (thìa hoặc dao).

## 4 Chuẩn bị mẫu

Lấy mẫu cốt liệu theo TCVN 7572-1 : 2006 với khối lượng được nêu trong Bảng 1

Bảng 1 – Khối lượng mẫu thử .

| **Cát và cốt liệu lớn có Dmax**<br>mm | **Khối lượng mẫu**, không nhỏ hơn<br>kg |
|---|---|
| Cát | 0,5 |
| 10 | 1,0 |
| 20 | 1,0 |
| 40 | 2,5 |
| 70 | 5,0 |
| Lớn hơn 70 | 10,0 |

## 5 Tiến hành thử

Cân mẫu theo khối lượng qui định ở Bảng 1, chính xác đến 0,1 g, sau đó đổ ngay vào khay và sấy đến khối lượng không đổi. Chú ý tránh để thất thoát các hạt cốt liệu trong suốt thời gian sấy. Sau đó, để nguội cốt liệu đến nhiệt độ phòng, rồi cân chính xác đến 0,1 g.

## 6 Tính kết quả thử

Độ ẩm ($W$) của cốt liệu, tính bằng phần trăm khối lượng chính xác tới 0,1 %, theo công thức:

$$W = \frac{m_1 - m_2}{m_2} \times 100$$

trong đó:

$m_1$ là khối lượng mẫu thử trước khi sấy khô, tính bằng gam (g);

$m_2$ là khối lượng mẫu thử sau khi sấy khô, tính bằng gam (g).

Kết quả là giá trị trung bình cộng của kết quả hai lần thử.

## 7 Báo cáo thử nghiệm

Báo cáo thử nghiệm cần có các thông tin sau:

– loại và nguồn gốc cốt liệu;

– tên kho bãi hoặc công trường;

– vị trí lấy mẫu;

– ngày lấy mẫu, ngày thí nghiệm;

– độ ẩm cốt liệu đã xác định được;

– tên người thử và cơ sở thí nghiệm;

– viện dẫn tiêu chuẩn này.